

PHIẾU ĐĂNG KÝ THÔNG TIN VÀ DỊCH VỤ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN REGISTRATION FORM

FOR INFORMATION AND SECURITIES TRADING SERVICES

Mẫu dành cho Khách hàng tổ chức/For Institutional Customer

Tài khoản Giao dịch chứng khoán số
Securities transaction account number

0	5	8																	
---	---	---	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

I. ĐĂNG KÝ THÔNG TIN KHÁCH HÀNG/REGISTER CUSTOMER INFORMATION

Nhà đầu tư tổ chức (Chữ in hoa/*Institutional investor (in capital letter)*):

Số ĐKDN/*Business Registration Certificate*:

Ngày cấp/*Date of issue*: Nơi cấp/*Issuing authority*:

Địa chỉ trụ sở chính/*Head office address*:

Điện thoại/*Telephone*: Fax:

MST/*Tax code*:

Điện thoại di động/*Mobile number*: Email:

Người đại diện theo pháp luật/*Legal representative*:

Chức vụ/*Position*:

Số CCCD/Căn cước/Hộ chiếu/*Identity card/Citizen identity card/Passport No.*:

Ngày cấp/*Date of issue*: Nơi cấp/*Issuing authority*:

Người đại diện theo ủy quyền của Tổ chức/*Authorized representative of the Institution*:

Chức vụ/*Position*:

Số CCCD/Căn cước/Hộ chiếu/*Identity card/Citizen identity card/Passport No.*:

Ngày cấp/*Date of issue*: Nơi cấp/*Issuing authority*:

Thông tin FATCA/*FATCA Information*:

☐ Khách hàng tổ chức có nơi thành lập hoặc đăng ký địa chỉ kinh doanh, số điện thoại liên hệ hoặc đối tượng phải kê khai thuế tại Mỹ; tổ chức có ủy quyền còn hiệu lực cho một đối tượng có địa chỉ tại Mỹ; hoặc có nhà đầu tư/cổ đông/chủ sở hữu trên 10% cổ phần là công dân/đối tượng cư trú ở Mỹ (*Điền Mẫu W-8BENE hoặc W-9 và cung cấp Mã số thuế Mỹ tương ứng*)/*The institutional customer has a place of business establishment or registers a business address, a contact telephone number or is subject to tax declaration in the U.S.; the organization has a valid authorization for an entity with an address in the U.S.; or has an investor/shareholder/owner of more than 10% of shares who is a U.S. citizen/resident (Please fill in Form W-8BENE or Form W-9 and provide relevant U.S. Taxpayer identification number)*

Mã số thuế Mỹ/*U.S. tax identification code*:

☐ Khách hàng không thuộc đối tượng nêu trên tại thời điểm hiện tại/*The Customer is not any of the above entities at present*

II. ĐĂNG KÝ DỊCH VỤ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN/REGISTER SECURITIES TRADING SERVICES

- ☐ Giao dịch Chứng khoán phái sinh (EzFutures)/*Derivatives securities trading*
- ☐ Ứng trước tiền bán chứng khoán/tiền cổ tức (EzAdvance)/*Advance of proceeds of securities sold and cash dividends*
- ☐ Dịch vụ Tư vấn đầu tư (EzAdvisorSelect)/*Investment advisory service*
- ☐ Dịch vụ chuyển tiền trực tuyến (EzTransfer)/*Online transfer money service*
- ☐ Chuyển tiền không hạn chế người thụ hưởng (Sử dụng Token Card)/*Transfer money to unlimited beneficiaries (Token Card is required)*
- ☐ Chuyển tiền trực tuyến đến Số tài khoản chính chủ hoặc người được ủy quyền/ *Transfer money online to the account in the name of the accountholder or the authorized person*

Tên chủ tài khoản/Name of the accountholder:

Số tài khoản Ngân hàng/Bank account No.: Số tài khoản Ngân hàng/Bank account No.:

.....

Ngân hàng/At bank: Ngân hàng/At bank:

.....

Chi nhánh/TP/Branch/City: Chi nhánh/TP/Branch/City:

.....

Tên người UQ/ Name of the authorized person:

Số tài khoản Ngân hàng/Bank account No: Số tài khoản Ngân hàng/Bank account No:

.....

Ngân hàng/At bank: Ngân hàng/At bank:

.....

Chi nhánh/TP/Branch/City: Chi nhánh/TP/Branch/City:

.....

III. ĐĂNG KÝ PHƯƠNG THỨC XÁC THỰC/NHẬN THÔNG TIN/REGISTER INFORMATION AUTHENTICATION AND RECEPTION METHODS

1. Phương thức xác thực giao dịch chứng khoán/Methods of authenticating securities transactions

- ☐ Giao dịch qua điện thoại (Bắt buộc sử dụng Token Card)/*Transaction via telephone (Token Card is required)*
- ☐ Giao dịch trực tuyến/Online transaction
- ☐ SMS OTP(Có thu phí/Receive paid SMS messages) ☐ Email OTP ☐ Token Card
- ☐ Smart OTP(installed on EzMobileTrading app) ☐ Chứng thư số/Digital Certificate
 (Đăng ký tại quầy/ Register at the counter)

2. Nhận thông tin qua email/Receive information via email

- ☐ Kết quả giao dịch hàng ngày (*Lệnh đặt tại sàn và qua điện thoại*)/Daily trading results (*Orders placed at FPTS's offices and via telephone*)
- ☐ Sao kê tài khoản hàng tháng/Monthly account statements
- ☐ Hóa đơn điện tử (*phải có MST*)/Electronic invoice (*tax code is required*)

3. Nhận thông tin qua tin nhắn SMS/Receive information via SMS messages

- **Nhận tin nhắn SMS có thu phí/Receive paid SMS messages** • **Nhận tin nhắn SMS không thu phí/Receive free SMS messages**

- ☐ Số dư tiền, chứng khoán đầu ngày/Cash and securities balance at the beginning of the day
- ☐ Kết quả khớp lệnh với lệnh đặt qua sàn/điện thoại/Stock trading results of orders placed at FPTS's offices/via telephone
- ☐ Biến động số dư tiền/Cash balance changes
- ☐ Kết quả khớp lệnh giao dịch trực tuyến/Online stock trading results

IV. ĐĂNG KÝ THÔNG TIN ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN/REGISTER SECURITIES INVESTMENT INFORMATION

1. Thông tin đầu tư Chứng khoán/Securities investment information

- Mục tiêu đầu tư/
Investment objectives
- ☐ Ngắn hạn/
Short term
- ☐ Trung hạn/
Medium term
- ☐ Dài hạn/
Long term
- ☐ Khác/
Others
- Mức độ chấp nhận rủi ro/
Risk tolerance
- ☐ Thấp/
Low
- ☐ Trung Bình/
Medium
- ☐ Cao/
High
- Hiểu biết về đầu tư/
Investment knowledge
- ☐ Chưa biết/
None
- ☐ Còn hạn chế/
Little
- ☐ Tốt/
Good
- ☐ Rất tốt/
Very good
- Kinh nghiệm trong đầu tư/
Investment experience
- ☐ Cổ phiếu/
Stocks
- ☐ Trái phiếu/
Bonds
- ☐ Chứng khoán khác/
Others
- ☐ Chưa có/
Not yet

2. Đây có phải là tài khoản ủy thác không?/ ☐ Có/Yes ☐ Không/No

Is this a discretionary account?

Họ và tên người ủy thác//Full name of the trustor:

3. Công ty đại chúng mà Khách hàng là người liên quan đến NNB/Name of the public company where the Customer is a person related to the insider

STT No.	Mã chứng khoán Securities symbol	Thông tin NNB/Insider information		
		Chức vụ tại Công ty Position in the Company	Quan hệ với NNB Relationship with the insider	Tên và chức vụ của NNB Name and position of the insider

4. Tên công ty đại chúng mà Khách hàng sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu đang lưu hành có quyền biểu quyết/ *Name of the public company in which the Customer owns 5% or more of the outstanding voting shares*

5. Tài khoản của các Công ty chứng khoán khác/ *Accounts in other securities companies*

STT No.	Tên Công ty chứng khoán <i>Name of securities company</i>	Số tài khoản là chính chủ <i>Account number in the name of the accountholder</i>	Số tài khoản là giao dịch ủy quyền <i>Discretionary account number</i>

6. Mẫu dấu/chữ ký giao dịch/ *Sample seal/signature for transaction*

0	5	8							
---	---	---	--	--	--	--	--	--	--

Mẫu dấu mới/ <i>New seal sample</i>		Chữ ký mẫu thứ nhất <i>First sample signature</i> (ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên/ <i>signature, seal and full name</i>)	Chữ ký mẫu thứ hai <i>Second sample signature</i> (ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên/ <i>signature, seal and full name</i>)
Mẫu dấu/ <i>Seal sample 01</i>	Mẫu dấu/ <i>Seal sample 02</i>		

Hà Nội/ *Hanoi*, ngày/ *day*.....tháng/ *month*.....năm/ *year*.....

Chủ tài khoản/ *Accountholder*

(ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên/ *signature, seal and full name*)

V. PHẦN DÀNH CHO FPT/ *FOR FPT*

FPTS chấp nhận đăng ký thông tin về tài khoản và dịch vụ theo yêu cầu của Khách hàng như trên kể từ ngày.....tháng.....năm.....*FPTS accepts the registration of the Customer's account and service information as requested hereinbefore from day.....month.....year.....*

Cán bộ tài khoản
Account officer

(ký, ghi rõ họ tên/ *signature and full name*)

Cán bộ kiểm soát
Superintendent

(ký, ghi rõ họ tên/ *signature and full name*)

Đại diện FPT
FPTS representative

(ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên/ *signature, seal and full name*)